



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 43 (23/10-27/10/23)

*Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán các
ETF nội kỳ cơ cấu tháng 10/2023*

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Kiên nhẫn chờ tín hiệu thị trường xác lập đáy ngắn hạn*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán các ETF nội kỳ cơ cấu tháng 10/2023*
3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ: *SBV hút ròng gần 36 nghìn tỷ trong tuần*
4. PTKT VN-INDEX: *VN-Index vẫn trong quá trình dò đáy ngắn hạn*
5. TIN VĨ MÔ: *Bộ Công thương đề xuất rút ngắn chu kỳ điều hành giá bán lẻ điện bình quân từ 6 tháng/lần xuống còn 3 tháng*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Du lịch và giải trí -0.62%*
7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN
8. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: *Kiên nhẫn chờ tín hiệu thị trường xác lập đáy ngắn hạn*

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1108.03	-4.04%
GTGD/phiên (tỷ VND)	15,694.16	12.79%
Khối ngoại (tỷ VND)	784.62	
HNX-INDEX	228.45	-4.43%
GTGD/phiên (tỷ VND)	2053.05	9.72%
Khối ngoại (tỷ VND)	116.97	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4224.16	-1.26%	-2.39%	-2.22%
EU (EURO STOXX)	4024.68	-1.61%	-2.69%	-4.34%
China (SHCOMP)	2983.06	-0.74%	-3.40%	-4.77%
Japan (NIKKEI)	31259.36	-0.54%	-3.27%	-3.53%
Korea (KOSPI)	2375.00	-1.69%	-3.30%	-5.31%
Singapore (STI)	3076.69	-0.74%	-3.42%	-4.00%
Thailand (SET)	1399.35	-1.66%	-3.54%	-8.09%
Phillipines (PCOMP)	6142.90	-1.23%	-1.97%	0.00%
Malaysia (KLCI)	1441.04	-0.11%	-0.21%	-0.63%
Indonesia (JCI)	6849.17	0.04%	-1.12%	-2.39%
Vietnam (VNIndex)	1108.03	1.86%	-4.04%	-7.13%

TTCK VIỆT NAM

Áp lực bán gia tăng khi thanh khoản thị trường thấp

Áp lực bán gia tăng khi VN-Index quay trở lại xu hướng giảm 4%. Các thông tin kém tích cực từ trong nước và quốc tế khiến NĐT thận trọng kéo theo thanh khoản thấp. Trạng thái bắt đáy cắt lỗ cũng như thoát vị thế tạo vòng xoáy đẩy thị trường xuống. VN-Index giảm trên diện rộng với 81% và 19/19 ngành giảm điểm. Bán lẻ, Xây dựng - VLXD và dịch vụ tài chính giảm trên 7%. KQKD quý III phân hóa khá mạnh và chưa có dấu hiệu cải thiện để hỗ trợ cho thị trường trong ngắn hạn. Hoạt động bắt đáy cuối tuần do vậy cũng chỉ giảm áp lực cho thị trường chứ chưa đồng nghĩa với khả năng tạo đáy. VN-Index cần có phiên hồi phục vượt 1,115 điểm và sau đó là vượt vùng cản 1,160 – 1,170 điểm để xác nhận trở lại xu hướng tăng điểm. NĐT nên kiên nhẫn chờ đợi và chỉ canh mua ở những vùng điểm thấp trong tuần tới.

Tính đến 20/10, HSX và HNX đã có 21% công ty công bố KQKD quý III với tổng mức LNST giảm 14.2% yoy. Thị trường cũng phân hóa mạnh khi chỉ có 51% công ty có KQKD tăng trưởng dương. Nhóm 5 cổ phiếu dẫn đầu về LNST tuyệt đối cùng kỳ gồm SSI (+374 tỷ), FTS (+243 tỷ), EVS (+204 tỷ), VIX (+111 tỷ) và SHS (+110 tỷ) trong khi VPB (-1,305 tỷ), NT2(-322 tỷ), KHP (-179 tỷ), BAB (-169 tỷ) và PVP (-120 tỷ). Nhìn chung KQKD phản ánh kỳ vọng của thị trường khi tăng trưởng mạnh ở nhóm ngành chứng khoán trong khi suy yếu ở nhóm ngành điện. Nhiều các công ty trong VN30 chưa công bố KQKD do vậy số liệu lợi nhuận của thị trường sẽ còn thay đổi trong tuần tới. Dù vậy kết quả ban đầu cho thấy bức tranh KQKD quý III khá ảm đạm.

TTCK THẾ GIỚI

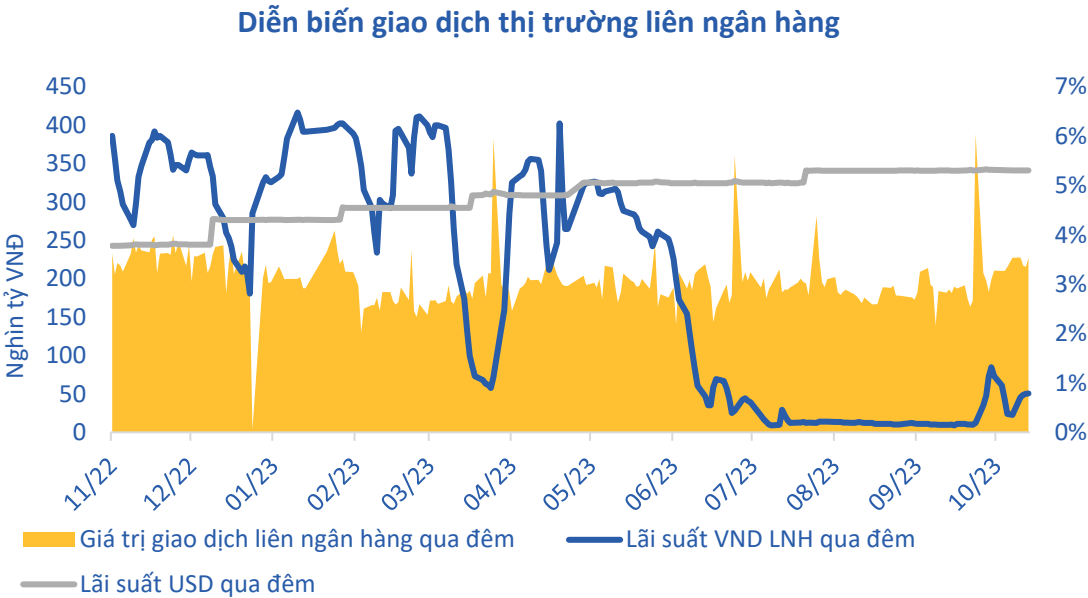
Quan điểm chính sách tiền tệ chưa sớm nói lỏng của chủ tịch FED, và lợi tức trái phiếu tăng kéo theo thoái lui của TTCK

Lợi tức trái phiếu kho bạc Hoa Kỳ kỳ hạn 10 năm tiến sát mức 5% sau phát biểu của chủ tịch FED, mức cao xác lập từ 2007, đã kéo các chỉ số chứng khoán tiếp tục giảm điểm. Các chỉ số CK Hoa Kỳ giảm bình quân 1.2%. Xu hướng giảm điểm cũng lan rộng trên các thị trường chủ chốt Châu Âu và Châu Á. Chỉ số EU600 giảm 2.6% và JP225, CSI300 giảm lần lượt 3.3% và 4.1%. Chỉ số DXY kết thúc chuỗi tuần tăng điểm khi ghi nhận mức giảm -0.4% tuy nhiên chỉ số hàng hóa tiếp tục leo thang với mức tăng 1.3% khi giá dầu +3.3%, kim loại quý (vàng+2.7%, bạc +2.2%) từ tác động của cuộc chiến Trung Đông leo thang. Trong tuần tới, ngoài cuộc chiến tại Trung Đông, GDP quý III lần đầu của Hoa Kỳ và các chỉ tiêu vĩ mô khác sẽ ảnh hưởng đến các thị trường thế giới.

Chủ tịch FED có bài phát biểu tại câu lạc bộ kinh tế New York, theo đó FED có thể chấp nhận tăng trưởng kinh tế thấp hơn để kiềm chế lạm phát. Các bằng chứng về tăng trưởng kinh tế trên xu hướng hoặc thị trường lao động không còn nói lỏng có thể tiếp tục tăng lãi suất. Điều kiện tài chính thắt chặt với lợi suất trái phiếu cao hơn sẽ động đến chính sách. Lạm phát giảm về 2% đòi hỏi một khoảng thời gian tăng trưởng dưới xu hướng và thị trường lao động dịu bớt. Mức độ tăng và thời gian duy trì lãi suất sẽ phụ thuộc vào dữ liệu kinh tế, triển vọng và cân bằng rủi ro. Công cụ Fedwatch của CME cho thấy 92% khả năng Fed giữ nguyên lãi suất trong tháng 11 tuy nhiên quan điểm này cho thấy áp lực tăng hoặc giữ LS dài hơn chưa được gỡ bỏ.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút	Giá trị bơm	Giá trị ròng
Tuần 38	18/09/2023	22/09/2023	20,000.00	0.00	-20,000.00
Tuần 39	25/09/2023	29/09/2023	73,799.80	0.00	-73,799.80
Tuần 40	02/10/2023	06/10/2023	46,899.80	0.00	-46,899.80
Tuần 41	09/10/2023	13/10/2023	64,999.60	0.00	-64,999.60
Tuần 42	16/10/2023	20/10/2023	55,899.70	20,000.00	-35,899.70



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	0.76%	0.97%	1.14%	1.50%	3.30%	5.65%	7.00%
So với tuần trước	0.07%	0.06%	-0.07%	-0.51%	-0.20%	0.58%	0.21%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	221,756.25	13,691	4,451	5,183	4,608	168	8
So với tuần trước	3.26%	-4.83%	42.20%	-2.00%	27.09%	-14.63%	-88.33%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 19/10/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 42, SBV đã phát hành 55.90 nghìn tỷ đồng tín phiếu. Tổng cộng, SBV đã hút ròng 35.90 nghìn tỷ đồng qua OMOs.
- Bình quân lãi suất liên ngân hàng qua đêm gần như không đổi với thanh khoản tăng.

PTKT VN-INDEX: VN-Index vẫn trong quá trình dò đáy ngắn hạn

Đồ thị ngày: VN-Index có 4 phiên giảm mạnh từ đầu tuần khi đón nhận các thông tin cực. Chỉ số có phiên hồi phục cuối tuần qua đó tạo nên hồi phục engulfing bull mang lại hy vọng hồi phục trong ngắn hạn. VN-Index dù vậy đã giảm dưới SMA200 tại 1,115 điểm và thanh khoản phiên hồi phục duy trì ở mức thấp. Cùng với đó các đường SMA và dải bollinger band vẫn đi xuống cho thấy chỉ số vẫn chưa thoát khỏi xu hướng giảm điểm ngắn hạn. Các chỉ báo kỹ thuật tiếp tục duy trì ở vùng thấp.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI giảm từ 46 xuống 37 điểm.
- MACD cắt đường tín hiệu từ trên xuống, mở rộng với mức 0 tuy nhiên có khả năng phân kỳ âm với diễn biến giá. Thanh khoản tăng 15% so tuần trước và kết thúc chuỗi 4 tuần giảm liên tiếp.
- VN-Index giảm dưới SMA200 đồ thị ngày.

Kết luận: Đang có dấu hiệu phân kỳ dương giữa MACD với VN-Index mở ra cơ hội hồi phục trong ngắn hạn. Dù vậy thanh khoản và các chỉ báo kỹ thuật vẫn khá yếu để khẳng định cho việc thị trường đã hình thành đáy. VN-Index cần vượt trở lại SMA200 tại 1,115 điểm và sau đó là vượt vùng cản 1,160 – 1,170 điểm để xác nhận trở lại xu hướng tăng điểm.

Đồ thị



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: Bộ Công thương đề xuất rút ngắn chu kỳ điều hành giá bán lẻ điện bình quân từ 6 tháng/lần xuống còn 3 tháng

VIỆT NAM:

- Quốc Hội: kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV sẽ lấy phiếu tín nhiệm và xem xét thông qua 9 luật: Luật Đất đai (sửa đổi); Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi); Luật Nhà ở (sửa đổi)....
- NHNN: tiếp tục chào thầu tín phiếu kỳ hạn 28 ngày theo phương thức đấu thầu lãi suất. Trong phiên 19/10, lãi suất trúng thầu tín phiếu đã tăng lên 1.45% từ mức 1% trong 3 phiên trước đó.
- NHNN: đang cơ cấu lại tổ chức tín dụng, trong đó ưu tiên nâng sở hữu của nhà đầu tư có thể giúp đỡ ngân hàng nhận chuyển giao các ngân hàng yếu kém. Điều này có nghĩa là các nhà đầu tư nước ngoài có thể tham gia vào việc xử lý các ngân hàng yếu kém.
- Bộ Tài chính: thông tin Văn phòng Chính phủ đã có công văn phản hồi về đề xuất tiếp tục giảm thuế GTGT. Theo đó, Phó Thủ tướng Lê Minh Khái đồng ý với đề xuất của Bộ Tài chính giảm 2% thuế GTGT trong 6 tháng đầu năm 2024.
- Bộ Công thương: đề xuất rút ngắn chu kỳ điều hành giá bán lẻ điện bình quân từ 6 tháng/lần xuống còn 3 tháng. Việc này sẽ giúp giá điện không bị dồn tích chi phí, ảnh hưởng tới cân bằng tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- Tổng cục Hải quan: lũy kế từ đầu năm đến 15/10, kim ngạch xuất khẩu cả nước đạt 272.74 tỷ USD, giảm hơn 24 tỷ USD so với cùng kỳ năm ngoái. Từ 1-15/10, xuất khẩu cả nước đạt 14,2 tỷ USD. Trong các nhóm hàng xuất khẩu chủ lực, có 4 nhóm đạt kim ngạch từ 1 tỷ USD trong nửa đầu tháng 10.

THẾ GIỚI:

- Hoa Kỳ: số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu: 198K (dự kiến: 212K) Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp tuần trước là 209K. Trung bình số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu trong 4 tuần là 205.75K.
- Hoa Kỳ: lợi suất TPCP kỳ hạn 10 năm tăng 0.07 điểm phần trăm lên 4.91%, cao nhất kể từ năm 2007. Trong khi đó, lợi suất kỳ hạn 30 năm tăng 0.06 điểm phần trăm lên 5.01%.
- FED: theo kết quả khảo sát, giá trị tài sản của các gia đình trung lưu tăng 37% trong 3 năm, từ năm 2020-2022, lên gần 193,000 USD, tăng với tốc độ nhanh nhất trong hơn 30 năm qua, trong khi lãi suất khá thấp vào thời điểm đó giúp các gia đình dễ dàng trả nợ hơn.
- Trung Quốc: GDP Q3 cao hơn dự kiến: +1.3% QoQ; +4.9% YoY (Dự kiến: +1.0% QoQ; +4.4% YoY. Trước đó: +0.8% QoQ; +6.3%YoY). Doanh số bán lẻ Q3: +5.5% YoY (Dự kiến: +4.9% YoY; Trước đó: +4.6% YoY).
- Nhật Bản: nhập khẩu tháng 9: +4.3% y/y (+3.1% y/y dự kiến). Xuất khẩu tháng 9: -16.3% y/y (-12.9% y/y dự kiến).
- Kinh tế trưởng ECB: có thể xảy ra một cú sốc lạm phát và ECB phải sẵn sàng thực hiện nhiều biện pháp hơn; chúng tôi tin rằng lạm phát sẽ giảm trở lại 2% vào năm 2025.
- Giới chức FED: phát tín hiệu rằng xu hướng tăng của lợi suất TPKB kỳ hạn dài - yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến lãi suất nhiều khoản vay của hộ gia đình và doanh nghiệp - có thể khiến Fed không cần phải tăng thêm lãi suất ngắn hạn.
- PBoC: bơm ròng 289 tỷ NDT (39.6 tỷ USD) vào hệ thống tài chính thông qua các khoản cho vay chính sách kỳ hạn 1 năm và giữ nguyên ở mức 2.5%.

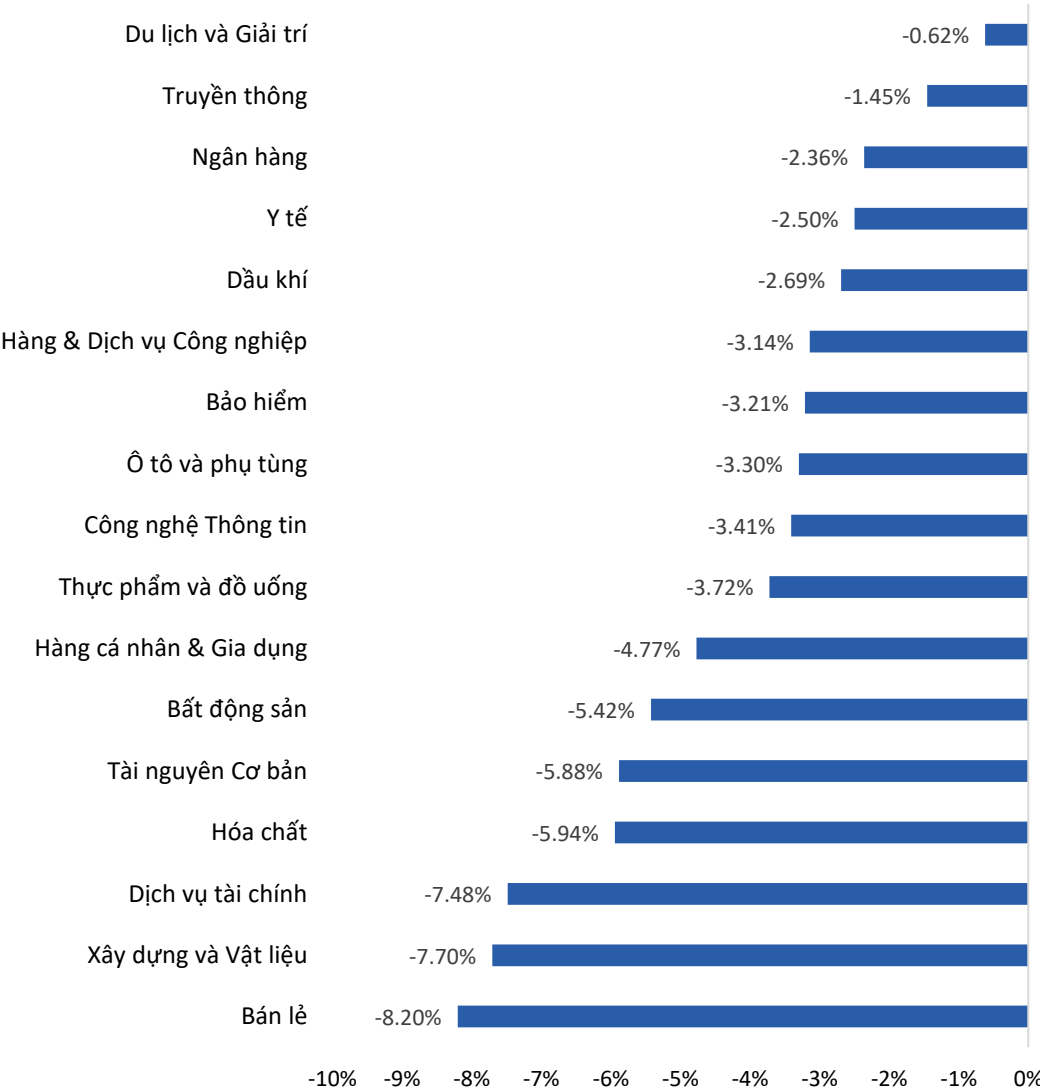
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- KQKD quý III của các công ty niêm yết.
- Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô tháng 10/2023
- 23/10, Niềm tin tiêu dùng Châu Âu. 24/10, PMI Australia, Anh, Nhật Bản, EU và Hoa Kỳ. 25/10, CPI Úc; Lãi suất và báo cáo chính sách tiền tệ Canada; Doanh số bán nhà mới và dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 26/10, Lãi suất và biên bản chính sách tiền tệ ECB; GDP công bố lần đầu, đơn xin trợ cấp thất nghiệp, cán cân thương mại và đơn đặt hàng lâu bên Hoa Kỳ. 27/10, Chỉ số PCE lõi và niềm tin tiêu dùng Hoa Kỳ.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu		
Du lịch và Giải trí	0.53%	-0.62%	-0.50%	HVN	-1.69%	
Truyền thông	1.40%	-1.45%	8.03%	YEG	28.03%	FOC -0.51%
Ngân hàng	1.19%	-2.36%	-6.61%	VCB	-2.40%	VPB -3.46%
Y tế	0.54%	-2.50%	-2.63%	DBD	3.78%	PME 0.38%
Dầu khí	1.31%	-2.69%	-6.93%	PLX	-6.67%	GAS -7.17%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	88.08	-0.33%	2.00%	-0.31%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	92.16	-0.24%	1.40%	0.22%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USd/gal.	237.36	0.50%	4.78%	-5.51%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	1981.4	0.35%	2.51%	2.92%		PNJ
Bạc	USD/oz.	23.3747	1.43%	2.88%	-0.79%		PNJ
Đậu tương	USd/bu.	1320.25	-0.86%	1.56%	0.51%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	586	-1.35%	1.08%	1.12%		AFX
Sữa	USD/cwt	18.12	-1.84%	4.08%	4.50%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	259.8	-2.40%	1.13%	9.57%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USd/lb.	26.85	-1.61%	-0.67%	-1.58%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	165.25	0.79%	6.68%	9.33%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	7948.5	-0.56%	-0.01%	-3.33%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/MT	3629	0.14%	0.28%	-3.82%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	2181.5	-0.16%	-0.82%	-2.63%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	856	-1.21%	2.15%	-0.70%		HPG
Than đá	USD/MT	150.5	-0.30%	-4.57%	-10.87%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	3748	0.00%	0.67%	-2.75%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
VJC	0.01%	0.19
LPB	0.02%	0.18
EIB	0.01%	0.13
CTG	0.00%	0.11
HDB	0.01%	0.11
KDC	0.02%	0.08
STG	0.06%	0.07
BHN	0.02%	0.05
NBB	0.10%	0.05
TDP	0.06%	0.04
Tổng		1.01

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VIC	-0.06%	-2.67
VHM	-0.05%	-2.67
BID	-0.05%	-2.57
VCB	-0.02%	-2.55
HPG	-0.05%	-2.07
VNM	-0.05%	-1.86
MWG	-0.10%	-1.79
MSN	-0.05%	-1.35
GAS	-0.03%	-1.26
FPT	-0.03%	-1.04
Tổng		-19.83

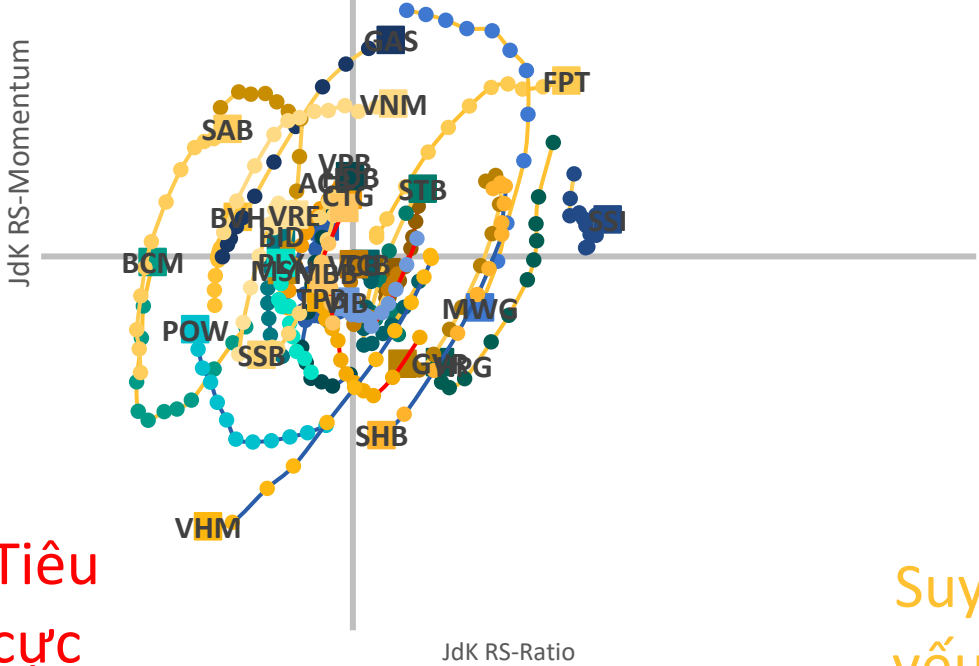
Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
VHM	536.22	
STB	494.79	
IDC	107.06	
PVD	103.91	
VHC	78.42	
FRT	78.23	
DGC	70.26	
DXG	59.07	
PDR	53.72	
DGW	50.95	
Tổng	1,632.63	

Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
MWG	-193.98	
EIB	-168.63	
VPB	-165.34	
E1VFN3	-164.75	
FUEFVN	-111.49	
VCI	-97.13	
MSN	-63.33	
FUESSVFL	-50.61	
SHS	-39.07	
HDB	-38.53	
Tổng	-1092.86	

Vận động cổ phiếu VN30			
FPT	113.7127	104.6963	24.55%
GAS	102.4505	105.7875	6.07%
SSI	116.3663	100.9793	17.89%
STB	104.4944	101.8052	3.86%
VNM	102.621	104.0826	5.60%
ACB	98.22061	100.7952	-0.91%
BID	95.40974	100.5362	-8.76%
BVH	92.62354	101.0481	-10.47%
CTG	99.69628	101.6384	-3.20%
HDB	99.84128	102.1347	0.59%
SAB	91.97878	103.4084	-9.14%
VJC	97.22125	104.2313	3.30%
VPB	99.47936	101.2884	6.62%
VRE	96.25392	101.1075	-2.31%
GVR	105.603	97.16026	-6.05%
HPG	103.1987	97.12472	-7.59%
MBB	102.1847	99.56788	-0.61%
MWG	108.1725	98.6273	-0.69%
SHB	101.8542	95.21625	-12.01%
TCB	100.8298	99.79004	1.26%
VCB	100.0839	99.78184	-3.95%
BCM	87.16253	99.84392	-13.45%
MSN	95.47346	99.63114	-8.55%
PLX	95.40669	99.82024	-10.28%
POW	89.90776	98.04536	-15.47%
SSB	94.15249	97.36375	-16.38%
TPB	97.98876	98.89745	-10.64%
VHM	90.72604	92.77293	-16.42%
VIB	99.53	98.78385	-8.78%
VIC	95.95838	96.53111	-11.63%

Hồi
phục

Tích
cực



Tiêu
cực

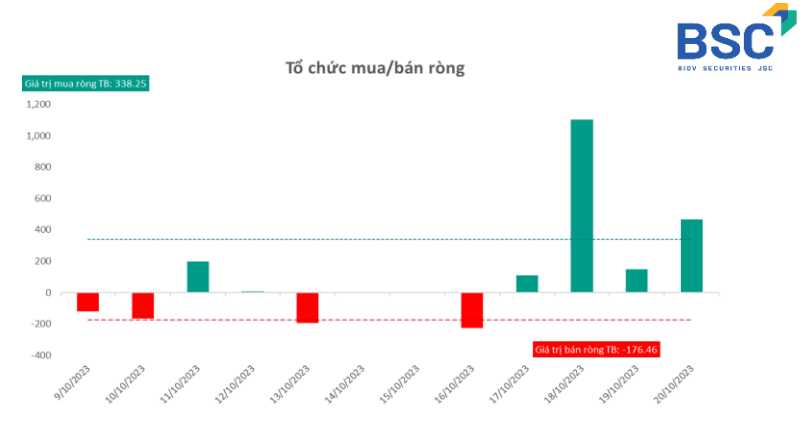
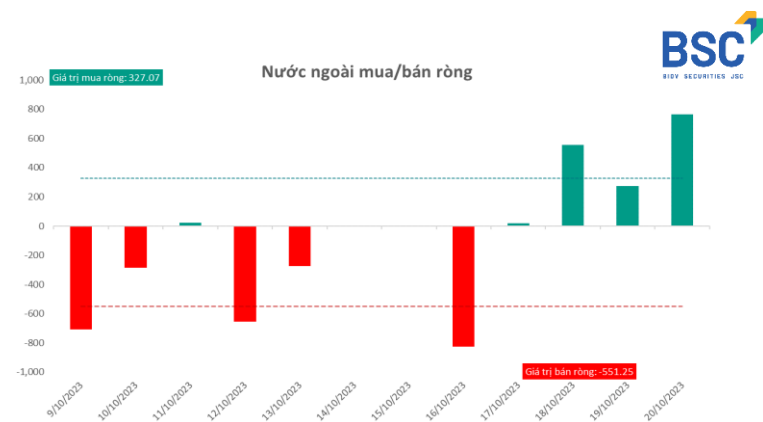
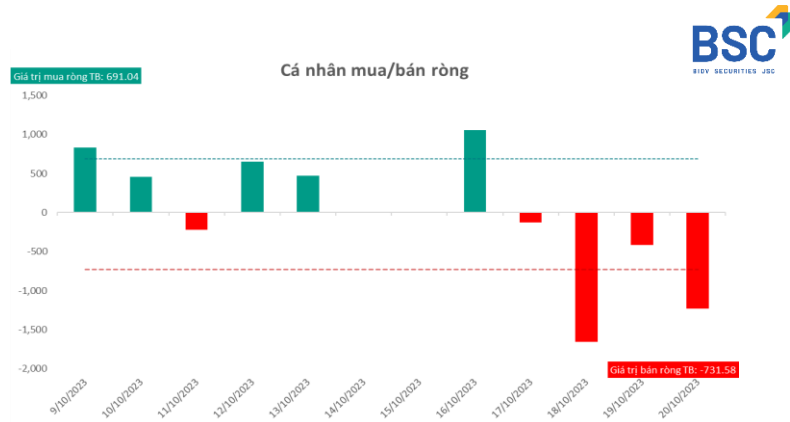
Suy
yếu

Nguồn: Bloomberg

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐTNN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
HPG	3,330,400	90.28	HPG	7,544,300	-168.61	KBC	2,802,854	99.63	HPG	20,556,080	-578.95	HPG	20,210,914	570.65	VPB	15,657,446	-384.99
FUEVFNVD	2,659,600	72.57	VIC	886,459	-77.60	SGN	1,201,444	85.89	VIC	5,685,089	-323.78	VIC	6,864,299	385.62	EVF	13,673,806	-170.98
FPT	634,300	61.00	MWG	475,600	-33.18	PDR	3,186,402	83.04	MWG	2,583,037	-142.37	SSI	9,727,759	334.08	VJC	1,605,358	-159.34
FUESSVFL	3,015,300	58.32	MSN	665,520	-32.57	DXG	3,687,551	82.53	MSN	1,415,879	-110.42	HDB	15,664,386	277.68	KBC	3,514,654	-125.36
MBB	2,560,159	46.91	VPB	915,816	-32.38	VNM	943,471	71.98	VPB	4,864,060	-106.20	GEX	8,012,989	182.30	OCB	3,833,641	-63.34
STB	1,067,667	32.30	STB	596,124	-31.10	DGC	727,163	67.10	STB	3,111,042	-103.19	MWG	2,635,237	147.26	MSB	3,283,230	-48.65
E1VFN30	1,407,100	29.80	GVR	-63,572	-19.87	VCG	2,443,463	67.09	GVR	4,043,627	-91.22	MSN	1,628,479	127.29	MBB	2,612,371	-48.64
MWG	519,800	26.40	KDH	637,500	-17.62	OCB	3,848,650	63.71	KDH	2,536,319	-87.37	HCM	2,940,800	101.59	CTR	545,350	-42.49
EIB	1,142,200	24.63	HCM	165,800	-17.54	VCB	512,750	46.06	HCM	2,306,200	-79.66	GVR	4,301,527	96.97	FRT	484,297	-41.60
MSB	1,461,479	22.22	SSI	139,900	-11.01	BSI	729,076	31.09	SSI	1,957,586	-72.18	STB	2,811,648	96.69	VNM	502,014	-37.34

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	84.8	0.40%	0.90	19,302.00	3.20	5,797.00	14.60	105,000	23.50%	Link
BID	Ngân hàng	40.5	0.70%	0.60	8,343.00	1.60	4,025.00	10.10	54,578	17.10%	Link
VPB	Ngân hàng	21.6	0.70%	1.00	5,932.00	9.50	1,727.00	12.50	23,685	16.60%	Link
TCB	Ngân hàng	31.1	1.50%	1.60	4,455.00	3.10	5,059.00	6.10	-	22.50%	Link
MBB	Ngân hàng	18	1.70%	1.40	3,812.00	3.80	3,496.00	5.10	24,400	23.20%	Link
STB	Ngân hàng	30.1	3.80%	1.00	2,311.00	23.20	3,600.00	8.40	31,200	24.40%	Link
GVR	BĐS KCN	20.5	2.50%	1.80	3,339.00	2.40	714.00	28.70	19,100	0.50%	Link
KBC	BĐS KCN	30.4	3.60%	1.70	950.00	8.70	4,368.00	7.00	42,500	20.30%	Link
IDC	BĐS KCN	49.6	2.30%	1.70	667.00	8.00	3,969.00	12.50	45,900	11.10%	Link
VGC	BĐS KCN	50	4.00%	2.00	913.00	3.80	2,651.00	18.90	-	4.80%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	24.4	2.70%	2.10	5,766.00	16.20	(328.00)	-74.20	23,300	26.40%	Link
VHM	Bất động sản	44.5	4.70%	1.40	7,891.00	5.80	10,341.00	4.30	79,900	24.20%	Link
VRE	BĐS	27	0.80%	1.10	2,462.00	2.10	1,588.00	16.70	38,900	32.10%	Link
KDH	BĐS	30.2	3.60%	1.80	983.00	1.50	1,280.00	23.60	44,100	38.90%	Link
NLG	BĐS	33.8	7.00%	1.50	530.00	2.60	1,582.00	21.40	46,100	41.40%	Link
DGC	Hóa chất	90.9	1.20%	1.60	1,406.00	18.50	10,728.00	8.50	85,000	13.50%	Link
DPM	Phân bón	36.3	1.70%	0.80	578.00	3.90	6,403.00	5.70	41,000	15.40%	Link
DCM	Phân bón	33.4	2.90%	1.10	721.00	5.20	4,286.00	7.80	36,000	11.40%	Link
GAS	Dầu khí	83.2	1.60%	0.50	7,782.00	2.80	5,567.00	14.90	110,500	2.90%	Link
PLX	Dầu khí	35.4	1.10%	0.90	1,832.00	0.90	2,125.00	16.70	45,000	17.30%	Link
PVS	Dầu khí	38.9	3.50%	1.10	757.00	11.40	1,953.00	19.90	38,500	20.30%	Link
PVD	Dầu khí	28.3	1.80%	1.30	641.00	10.20	449.00	63.00	29,000	21.30%	Link
POW	Tiện ích	11.2	1.40%	0.70	1,068.00	1.80	602.00	18.60	14,500	6.20%	Link
VNM	F&B	72.3	1.30%	0.40	6,154.00	7.00	3,935.00	18.40	81,700	54.40%	Link
MSN	F&B	69	3.90%	1.10	4,021.00	5.30	916.00	75.30	27,700	30.50%	Link
MWG	Bán lẻ	44.7	4.00%	1.70	2,662.00	12.80	1,069.00	41.80	63,800	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	75.4	-0.70%	0.70	1,007.00	0.80	5,503.00	13.70	83,500	49.00%	Link
VHC	Thủy sản	74.8	6.10%	0.60	559.00	2.80	7,080.00	10.60	90,900	32.10%	Link
GMD	Logistics	64	-1.40%	0.60	797.00	8.30	7,470.00	8.60	57,000	47.00%	Link
FPT	Công nghệ	92.9	1.00%	0.60	4,805.00	10.80	4,573.00	20.30	108,000	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	29.4	2.80%	0.90	5,754.00	4.30	3,664.00	8.00	1.20	27.20%	16.10%
ACB	Ngân hàng	21.9	0.50%	0.90	3,464.00	3.30	3,722.00	5.90	1.40	30.00%	25.20%
HDB	Ngân hàng	17.8	1.40%	0.80	2,091.00	6.50	2,765.00	6.40	1.40	20.00%	23.20%
LPB	Ngân hàng	14.6	3.60%	1.10	1,516.00	2.40	1,410.00	10.30	1.50	3.90%	15.90%
VIB	Ngân hàng	18.4	0.50%	1.40	1,896.00	3.00	3,534.00	5.20	1.40	20.50%	28.80%
VND	Chứng khoán	20	4.20%	2.00	990.00	22.20	467.00	42.70	1.60	23.60%	3.80%
TPB	Ngân hàng	16.5	2.20%	1.10	1,479.00	1.80	2,697.00	6.10	1.20	28.80%	19.80%
SSI	chứng khoán	31.3	4.00%	1.50	1,911.00	35.90	1,090.00	28.70	2.10	46.10%	9.00%
CII	Xây dựng	16.2	6.90%	1.90	188.00	4.60	318.00	51.10	6.50	8.50%	2.60%
C4G	Xây dựng	11.7	4.50%	1.80	-	1.00	445.00	26.30	1.10	0.00%	5.20%
CTD	Xây dựng	51	3.70%	1.90	206.00	1.30	681.00	74.80	0.60	43.50%	0.80%
HHV	Xây dựng	15	3.40%	1.40	201.00	4.10	919.00	16.30	0.60	4.80%	4.20%
LCG	Xây dựng	11	6.70%	2.10	86.00	2.20	482.00	23.20	0.90	3.10%	3.80%
BCM	KCN	64.6	2.50%	0.60	2,723.00	0.50	418.00	154.60	3.80	2.70%	1.70%
HUT	KCN	21.6	5.40%	1.40	785.00	4.20	56.00	382.30	5.30	2.00%	1.30%
PHR	KCN	47.6	1.70%	1.20	263.00	0.90	6,568.00	7.20	1.80	15.40%	26.90%
SZC	KCN	38.2	4.40%	1.70	187.00	2.10	1,405.00	27.20	2.80	3.00%	10.90%
HSG	Vật liệu	17.8	4.70%	2.30	446.00	5.50	(2,105.00)	-8.50	1.10	20.50%	2.30%
HT1	Vật liệu	12.4	1.60%	1.30	193.00	0.20	176.00	70.50	1.00	3.60%	1.30%
NKG	Vật liệu	18.4	3.10%	2.50	197.00	4.60	(2,655.00)	-6.90	1.00	10.60%	13.50%
PTB	Vật liệu	57.5	0.30%	1.00	157.00	1.00	5,309.00	10.80	1.40	17.40%	13.40%
KSB	Vật liệu	25.9	3.60%	1.60	80.00	1.10	1,482.00	17.50	1.00	3.00%	5.80%
NVL	BĐS	13.8	4.50%	2.00	1,096.00	8.20	(295.00)	-46.70	0.70	3.80%	1.90%
DXG	BĐS	16.8	6.70%	2.90	416.00	9.00	(317.00)	-52.90	0.70	18.50%	3.40%
HDC	BĐS	30.4	6.80%	1.50	168.00	3.10	2,190.00	13.90	2.20	2.00%	16.90%
DIG	BĐS	20.4	6.80%	2.80	505.00	14.60	152.00	133.70	1.60	5.60%	1.10%
IJC	BĐS	13.5	4.20%	1.90	138.00	0.80	1,597.00	8.50	0.90	5.70%	10.90%
BSR	Dầu khí	20.7	2.50%	1.50	-	5.50	1,596.00	13.00	1.20	0.40%	9.70%
PVT	Dầu khí	28	3.90%	0.60	369.00	4.10	2,993.00	9.40	1.10	13.50%	16.40%
PLC	Vật liệu	31.9	7.80%	1.50	105.00	0.20	1,353.00	23.60	2.00	1.20%	8.50%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Săm lốp	23.3	5.00%	1.10	113.00	0.30	1,980.00	11.80	1.60	11.50%	13.50%
REE	Tiện ích	60.4	1.30%	0.60	1,005.00	0.50	6,445.00	9.40	1.30	49.00%	18.50%
GEX	Tiện ích	21	5.30%	1.80	726.00	10.10	384.00	54.50	0.90	11.90%	5.40%
NT2	Tiện ích	23	0.40%	0.60	270.00	0.40	2,560.00	9.00	1.40	15.30%	16.20%
HDG	Bất động sản	26.4	6.90%	1.60	329.00	1.30	2,739.00	9.70	1.20	23.80%	16.80%
PC1	Tiện ích	28	2.60%	1.50	308.00	4.70	944.00	29.70	1.40	5.60%	5.00%
GEG	Tiện ích	13.5	3.80%	0.60	188.00	0.20	636.00	21.20	0.80	45.90%	5.60%
BCG	Tiện ích	8.2	5.80%	2.60	178.00	1.90	(79.00)	-104.30	0.30	2.00%	0.30%
SAB	F&B	70	2.50%	0.30	3,656.00	0.60	3,518.00	19.90	3.60	62.30%	18.70%
QNS	F&B	47.2	1.50%	0.50	-	1.60	4,965.00	9.50	2.20	16.20%	24.30%
FRT	Bán lẻ	94.7	0.70%	1.10	525.00	4.10	(327.00)	-289.30	8.10	32.60%	11.80%
DGW	Bán lẻ	54.5	1.70%	2.20	371.00	4.90	2,984.00	18.30	4.10	23.60%	21.90%
DBC	F&B	21	6.10%	2.00	207.00	2.00	551.00	38.10	1.10	5.90%	2.90%
PET	Bán lẻ	25.5	4.70%	2.40	111.00	0.40	837.00	30.50	1.40	1.40%	5.70%
BAF	F&B	23.4	1.50%	0.70	137.00	1.80	1,225.00	19.10	2.00	0.10%	10.20%
ANV	Thủy sản	34.5	5.80%	1.60	187.00	3.90	2,162.00	16.00	1.70	3.90%	10.00%
VSC	Logistics	26.4	3.30%	0.50	144.00	1.00	1,370.00	19.30	1.10	3.20%	7.90%
HAH	Logistics	35.4	1.60%	1.00	152.00	5.30	5,742.00	6.20	1.20	4.10%	24.60%
CTR	Công nghệ	76	0.90%	1.30	354.00	0.60	4,238.00	17.90	5.30	9.70%	32.10%
TNG	Dệt may	19.4	4.30%	1.30	90.00	1.60	2,353.00	8.20	1.40	21.50%	17.10%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

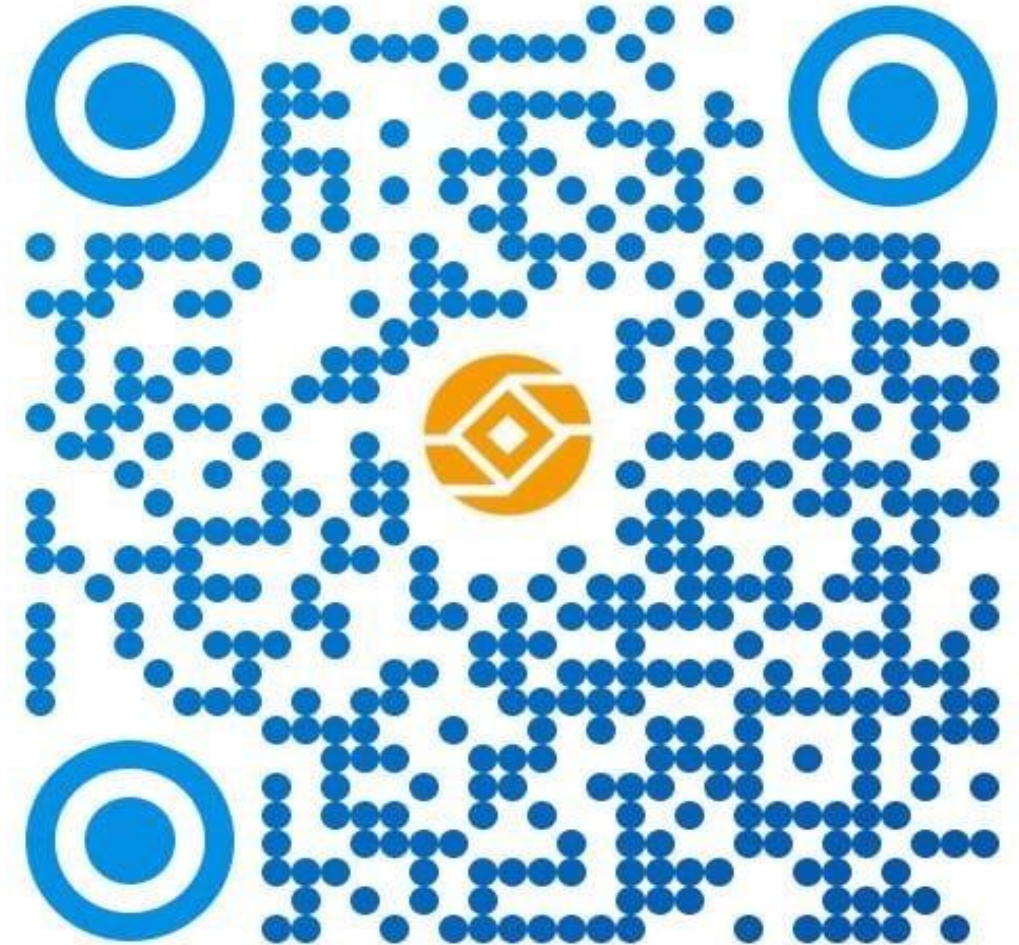
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký